

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN – ĐỀ 1
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Ngh nghiệp vụ ngân hàng và các định chế tài chính quốc tế			
Mã học phần:	241_71BUSI40013	Số tin chỉ:	3	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71BUSI40013_01_02			
Hình thức thi:	Trắc nghiệm và tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☒ Có		☐ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân biệt được các quy định, cơ chế hoạt động và các loại hình sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng thương mại.	Trắc nghiệm	30	1 đến 10	3	PI 3.2, PI 4.1
CLO 2	Sử dụng hồ sơ phù hợp khi thực hiện giao dịch tại ngân hàng.	Trắc nghiệm	30	11-20	3	PI 3.2, PI 4.1
CLO 3	Vận dụng kiến thức tài chính và công nghệ để xử lý các nghiệp vụ ngân hàng.	Tự luận	40	Bài 1-2	4	PI 3.2, PI 4.1

III. Nội dung câu hỏi thi

Trắc nghiệm: (6đ)

Câu 1: Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản thì dựa vào tiêu chí nào?

- A: Dựa vào uy tín của khách hàng
- B: Dựa vào năng lực tài chính của khách hàng
- C: Khả năng hoàn trả gốc và lãi đúng hạn
- D: Sử dụng vốn vay có hiệu quả

ANSWER A

Câu 2: Phát biểu nào dưới đây là chính xác nhất về khách hàng có uy tín?

A: Có năng lực tài chính lành mạnh, trung thực trong kinh doanh, hoàn trả nợ đúng hạn, quản trị kinh doanh có hiệu quả.

B: Hoàn trả nợ đúng hạn

C: Quản trị kinh doanh có hiệu quả

D: Có tín nhiệm với TCTD trong sử dụng vốn vay.

ANSWER A

Câu 3: Thế nào là cho vay ngắn hạn?

A: Là khoản cho vay có thời hạn tới 12 tháng nhằm cung ứng vốn cho khách hàng để sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống.

B: Là khoản cho vay dưới 12 tháng nhằm cung ứng vốn cho khách hàng để sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống.

C: Tất cả đều sai.

D: Là khoản cho vay có thời hạn 12 tháng, trong trường hợp đặc biệt có thể kéo dài tới 15 tháng.

ANSWER A

Câu 4: Cho vay trên tài sản gồm những loại nào?

A: Cho vay trên toàn bộ chứng từ hàng xuất; chiết khấu chứng từ có giá và bao thanh toán.

B: Cho vay trên toàn bộ chứng từ hàng xuất; chiết khấu chứng từ có giá

C: Chiết khấu chứng từ có giá, chiết khấu tài sản cầm cố và bao thanh toán.

D: Chiết khấu chứng từ có giá, chiết khấu tài sản cầm cố

ANSWER A

Câu 5: Điều kiện vay vốn gồm những nội dung nào?

A: Khách hàng có phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, có hiệu quả. khách hàng vay thực hiện đảm bảo tiền vay theo quy định; địa vị pháp lý của khách hàng vay; sử dụng vốn vay hợp pháp

B: Địa vị pháp lý của những khách hàng vay vốn; có tài sản cầm cố, thế chấp có giá trị lớn.

C: Khách hàng có phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, có hiệu quả.

D: Khách hàng phải có tài sản đảm bảo tiền vay theo quy định; có vốn tự có lớn.

ANSWER A

Câu 6: Thế nào là cho vay đảm bảo bằng tài sản?

A: Là việc cho vay vốn của TCTD mà khách hàng vay phải cam kết đảm bảo bằng tài sản thế chấp, cầm cố hoặc có bảo lãnh của bên thứ 3 bằng tài sản. Tài sản hình thành từ vốn vay.

B: Là việc cho vay vốn của TCTD mà khách hàng vay phải cam kết đảm bảo bằng tài sản thế chấp, cầm cố hoặc có uy tín lớn.

C: Tài sản hình thành từ vốn vay; tài sản cầm cố

D: Là việc cho vay vốn của TCTD mà khách hàng vay phải cam kết đảm bảo bằng tài sản thế chấp, cầm cố hoặc có bảo lãnh của bên thứ 3 bằng tài sản.

ANSWER A

Câu 7: Quy trình tín dụng có ý nghĩa như thế nào trong hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại?

A: Có ý nghĩa trong việc phán quyết cho vay; xem xét hồ sơ vay của khách hàng; trong việc thu nợ; tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay; làm rõ trách nhiệm và quyền hạn của các bên có liên quan trong vay vốn.

B: Có ý nghĩa tăng cường thu nợ

C: Có ý nghĩa như là căn cứ để đánh giá hoạt động của ngân hàng

D: Có ý nghĩa đối với việc mở rộng kinh doanh của ngân hàng

ANSWER A

Câu 8: Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, đối tượng cho vay của tín dụng ngân hàng là gì?

A: Là những nhu cầu vay vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật

B: Là tất cả các nhu cầu vay vốn của nền kinh tế - xã hội

C: Là nhu cầu vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn của nền kinh tế – xã hội

D: Là nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức xã hội.

ANSWER A

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là một phát biểu không chính xác về vai trò của nghiệp vụ huy động vốn đối với hoạt động của NHTM?

A: Thông qua hoạt động huy động vốn, ngân hàng thương mại biết được nhu cầu vay vốn của khách hàng.

B: Không có nghiệp vụ huy động vốn ngân hàng thương mại không có đủ nguồn vốn tài trợ cho hoạt động của mình.

C: Nghiệp vụ huy động tạo cho ngân hàng mở rộng hoạt động kinh doanh.

D: Không có phát biểu nào sai cả

ANSWER A

Câu 10: Ngân hàng thương mại có thể huy động vốn qua những loại tài khoản tiền gửi nào?

A: Tất cả đều đúng

B: Tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm

C: Tiền gửi VND và tiền gửi ngoại tệ

D: Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn

ANSWER A

Câu 11: Lãi suất cho vay của NHTM do ai quyết định?

A: Do từng NHTM quy định

B: Do NHTM xây dựng trình NHTW quyết định

C: Do các NHTM cùng xây dựng.

D: Do NHTW quyết định

ANSWER A

Câu 12: Lãi suất tái cấp vốn do ai quy định?

A: Do NHTW quy định

B: Do NHTM quy định

C: Do các NHTM cùng quy định

D: Do khách hàng cùng với NHTM xác định

ANSWER A

Câu 13: Các công cụ được giao dịch trên thị trường tiền tệ gồm những loại nào?

- A: Tín phiếu kho bạc, hối phiếu, lệnh phiếu.
- B: Các công cụ dài hạn, và công cụ ngắn hạn.
- C: Tín phiếu kho bạc, hối phiếu.
- D: Tín phiếu kho bạc, lệnh phiếu.

ANSWER A

Câu 14: Bao thanh toán xuất khẩu mang lại những lợi ích gì cho khách hàng sử dụng dịch vụ bao thanh toán?

- A: Tất cả các câu đều đúng.
- B: Giúp khách hàng nhận được tài trợ vốn từ đơn vị bao thanh toán
- C: Giúp khách hàng theo dõi và thu hồi nợ từ đơn vị bao thanh toán
- D: Giúp khách hàng tránh được những phiền toái và trở ngại của việc mở thư tín dụng

ANSWER A

Câu 15: Hồ sơ cho vay thường gồm những loại nào?

- A: Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp cho ngân hàng, hồ sơ do ngân hàng lập và hồ sơ do khách hàng và ngân hàng cùng lập
- B: Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp cho ngân hàng
- C: Hồ sơ do khách hàng và ngân hàng cùng lập
- D: Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp cho ngân hàng, hồ sơ do ngân hàng lập

ANSWER A

Câu 16: Cho vay tiêu dùng có những đặc điểm gì?

- A: Nhu cầu TD phong phú, đa dạng, mục đích sử dụng vốn linh hoạt, có rủi ro cao hơn các loại TD khác, lãi suất thường cao hơn TD khác, thời hạn cho vay cả ngắn, trung và dài hạn.
- B: Nhu cầu TD phong phú, đa dạng, mục đích sử dụng vốn linh hoạt.
- C: Nhu cầu TD phong phú, đa dạng, mục đích sử dụng vốn linh hoạt, có rủi ro cao hơn các loại TD khác.
- D: Nhu cầu TD phong phú, đa dạng, mục đích sử dụng vốn linh hoạt, lãi suất thường cao hơn TD khác.

ANSWER A

Câu 17: Hoạt động cấp tín dụng và cho vay giống nhau ở những điểm nào?

- A: Cả hai đều là quan hệ tín dụng
- B: Cả hai đều phải thu nợ cả gốc và lãi
- C: Cả hai đều đòi hỏi tài sản thế chấp
- D: Cả hai chỉ do ngân hàng thương mại thực hiện

ANSWER A

Câu 18: Thanh toán giữa các khách hàng qua ngân hàng có ý nghĩa như thế nào trong đời sống kinh tế – xã hội cũng như trong hoạt động của khách hàng và ngân hàng?

- A: Tất cả đều đúng

B: Giúp tiết kiệm chi phí lưu thông tiền mặt, thúc đẩy thanh toán và chu chuyển hàng hoá nhanh góp phần phát triển kinh tế – xã hội

C: Giúp hoạt động thanh toán của khách hàng được thực hiện nhanh chóng, an toàn và thuận tiện

D: Giúp ngân hàng có thể huy động vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng vào mục đích cho vay nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nói chung

ANSWER A

Câu 19: Vốn huy động từ tiền gửi bao gồm những bộ phận nào?

A: Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi khác.

B: Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền vay TCTD khác.

C: Tiền gửi thanh toán (tiền gửi không kỳ hạn), tiền gửi có kỳ hạn, tiền đi vay NHTW

D: Tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi khác.

ANSWER A

Câu 20: Có những hình thức cho vay trung và dài hạn nào?

A: Cho vay hợp vốn, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay tiêu dùng.

B: Cho vay theo dự án đầu tư.

C: Cho vay hợp vốn, cho vay theo dự án đầu tư.

D: Cho vay theo dự án đầu tư, cho vay tiêu dùng.

ANSWER A

Bài tập: (Tự luận: 4đ)

Bài 1: (1.5Đ)

Ông X có TK tiền gửi thanh toán tại NH ACB, Tình hình số dư TK tiền gửi tháng 8 của ông như sau:

ĐVT: 1000đ

Ngày (1)	Số dư (2)
1/8	30,000
12/8	40,000
15/8	200,000
18/8	145,000
20/8	25,000
23/8	150,000
25/8	180,000
26/8	150,000
29/8	80,000
31/8	65,000
TỔNG CỘNG:	

Giả sử bạn là nhân viên NH, hãy tính lãi tiền gửi tháng 8 của ông X biết rằng NH trả lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn là 0,25%/tháng.

Bài giải:

ĐVT: 1000đ

Ngày	Số dư	Số ngày	Tích số
1/8	30,000	11	330,000.00
12/8	40,000	3	120,000.00
15/8	200,000	3	600,000.00
18/8	145,000	2	290,000.00
20/8	25,000	3	75,000.00
23/8	150,000	2	300,000.00
25/8	180,000	1	180,000.00
26/8	150,000	3	450,000.00
29/8	80,000	2	160,000.00
31/8	65,000	1	65,000.00
TỔNG CỘNG:		31	2,570,000.00

$$\begin{aligned} \text{Tiền lãi:} &= 2,570,000 \times 0.25\% \times 12 / 365 \\ &= 211.23 \end{aligned}$$

Bài 2: (2.5Đ)

Dự án đầu tư A có tổng dự toán là 20.000.000, trong đó đơn vị chủ đầu tư có vốn tham gia 5.000.000, số còn lại được ngân hàng ABC cho vay.

1/. Xác định hạn mức tín dụng cho dự án nói trên, biết rằng dự án đã được thẩm định có tính khả thi.

2/ Vốn tín dụng được giải ngân 6 đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 01/06/2017 Số tiền: 3.000.000
- Đợt 2: Ngày 22/07/2017 Số tiền: 2.000.000
- Đợt 3: Ngày 21/08/2017 Số tiền: 2.000.000
- Đợt 4: Ngày 30/09/2017 Số tiền: 2.000.000
- Đợt 5: Ngày 30/10/2017 Số tiền: 3.000.000
- Đợt 6: Ngày 29/11/2017 Số tiền: ?

Công trình hoàn thành vào ngày 28/02/2018.

Tính lãi phát sinh trong thời gian thi công (tính lãi đơn), biết rằng lãi suất cho vay áp dụng là 1,2%/tháng.

Bài giải:

1/. HMTD = 20.000.000 – 5.000.000 = 15.000.000

2/. Tiền lãi:

Ngày	Số tiền	Số dư	Số ngày	Tích số
1/6	3,000,000.00	3,000,000.00	51	153,000,000.00
22/7	2,000,000.00	5,000,000.00	30	150,000,000.00
21/8	2,000,000.00	7,000,000.00	40	280,000,000.00
30/9	2,000,000.00	9,000,000.00	30	270,000,000.00
30/10	3,000,000.00	12,000,000.00	30	360,000,000.00
29/11	3,000,000.00	15,000,000.00	91	1,365,000,000.00
28/2		15,000,000.00	1	15,000,000.00
TC:				2,593,000,000.00

Lãi = 1,678,000,000 x 1.2% x 12 / 365

1,022,991.78

THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Câu số/Nội dung câu hỏi	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm (và nhóm câu hỏi)		6.0	
	Câu 1 – 20	0.3 điểm/1câu	
II. Tự luận		4.0	
	Câu 1	1.5	
	Câu 2.1	1.0	
	Câu 2.2	1.5	
Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2024
Giảng viên ra đề



TS. Hoàng Chí Cương

ThS. Ngô Thị Thùy Linh